

Số: 535 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giữ lại tiếp tục sử dụng đối với 87 cơ sở nhà, đất của
cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 67/2017/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung và thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 49/TTr-STC ngày 16/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ lại tiếp tục sử dụng đối với 87 cơ sở nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có cơ sở nhà, đất được giữ lại nêu trên có trách nhiệm quản lý, sử dụng nhà, đất theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; phối hợp các cơ quan chức năng của địa phương để hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn, Chủ tịch UBND các huyện: Tuy Phước, Vân Canh, Tây Sơn, Phù Cát, An Lão, Chủ tịch Hội Làm vườn Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K4, K14.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

GIỮ LẠI TIẾP TỤC SỬ DỤNG ĐỐI VỚI 87 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê
		Đất	Nhà			
1	2	3	4a (DT xây dựng)	4b (DT sàn xây dựng)	5	6
A	KHỐI TỈNH					
I	Sở Giáo dục và Đào tạo					
1	Trường THPT chuyên Chu Văn An (Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định)	21.574,0	3.660,0	7.137,0	Giấy CNQSDĐ số CG 134351 ngày 27/3/2017 do UBND tỉnh cấp; Các quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	Sử dụng làm công trình sự nghiệp
II	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn					
I	Chi cục Kiểm lâm Bình Định					
1.1	Hạt Kiểm lâm huyện Tây Sơn - Trạm Kiểm lâm Bắc Sông Kôn (xã Bình Tân, huyện Tây Sơn)	500,0	80,0	80,0	GCNQSDĐ số DA568871 ngày 15/9/2021 - QĐ số 3828/QĐ-UBND ngày 23/10/2019; QĐ số 256/QĐSKHĐT ngày 31/10/2019; QĐ số 3747/QĐUBND ngày 09/9/2021	Sử dụng làm Trụ sở làm việc
III	Sở Tài nguyên và Môi trường					
1	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Định					
1.1	Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Tuy Phước (01 Đô Đốc Lộc-Thị trấn Tuy Phước - Bình Định)	475,5	155,0	315,0	QĐ số 4765/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 và QĐ số 1636/QĐUBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh; - GCNQSDĐsố DD 758427, sổ vào sổ cấp GCN số CT17578 do UBND tỉnh G25 cấp ngày 17/6/2022	Trụ sở làm việc của VPĐK đất đai Chi nhánh huyện Tuy Phước
1.2	Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Vĩnh Thạnh Địa chỉ: Thôn Định Tổ, TT. Vĩnh Thạnh H. Vĩnh Thạnh - Bình Định	1.815,7	128,7	222,1	QĐ số 5030/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh; GCNQSDĐsố DD 758178, sổ vào sổ cấp GCN số CT17520 do UBND tỉnh cấp ngày 29/4/2022	Trụ sở làm việc của VPĐK đất đai Chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê
		Đất	Nhà			
1	2	3	4a (DT xây dựng)	4b (DT sàn xây dựng)	5	6
1.3	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Quy Nhơn Địa chỉ: 264 Trần Hưng Đạo - Phường Trần Hưng Đạo - TP Quy Nhơn - T. Bình Định	205,6		616,8	QĐ số 2627/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh; Chưa có Giấy chứng nhận QSD đất	Trụ sở làm việc của VPĐK đất đai Chi nhánh thành phố Quy Nhơn
IV	Sở Y tế					
1	Bệnh viện Mắt (78 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn)	3.010,0	295,0	529,0	Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 20/9/2017; 2783/QĐ-UBND ngày 12/8/2019; 1107/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Bình Định	Sử dụng làm công trình sự nghiệp
2	Trung tâm Y tế Thành phố Quy Nhơn					
2.1	Trạm Y tế phường Nhơn Bình (Đường Đào Tấn- P Nhơn Bình-Tp QN)	489,7	192,0	356,0	GCN:CI222966 ngày 29/11/2017 và bảng số liệu về đất, nhà của Trạm Y tế Xã, Phường ngày 4/8/2016	Sử dụng làm công trình sự nghiệp
2.2	Trạm Y tế phường Nhơn Hội (Khu tái định cư Nhơn Phước-Thôn Hội Thành-xã Nhơn Hội-Tp QN)	2.877,5	541,5	541,5	GCN:BE693146 ngày 22/8/2011, QĐ số 788/QĐ-BQL ngày 25/5/2010 giao đất cho TYT Nhơn Hội	Sử dụng làm công trình sự nghiệp
3	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát					
3.1	Trạm y tế thị trấn Ngô Mỹ (Thị trấn Ngô Mỹ, Phù Cát, Bình Định)	1.384,7	270,0	521,3	Công văn số 103/CV-BQL của Ban QLDA ĐT XD ngày 4/7/2019 về thông báo tăng tài sản, QĐ 243/QĐ-SKHĐT ngày 12/9/2014 phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng	Sử dụng làm công trình sự nghiệp
3.2	Trạm y tế xã Cát Hiệp (Thôn Hòa Đại, Cát Hiệp, Phù Cát)	1.920,0	646,2	1.185,0	Công văn số 102/CV-BQL của Ban QLDA ĐT XD ngày 4/7/2019 về thông báo tăng tài sản và QĐ 1757A/QĐ-SKHĐT ngày 07/9/2015 phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng	Sử dụng làm công trình sự nghiệp

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê
		Đất	Nhà			
1	2	3	4a (DT xây dựng)	4b (DT sàn xây dựng)	5	6
4	Trung tâm Y tế huyện An Lão					
4.1	Trạm Y tế xã An Hòa (mới) (Thôn Xuân Phong Nam, An Hòa, An Lão)	2.607,8	353,9	705,8	Báo cáo 174/BC-BQL ngày 02/4/2021 của Ban QLDA ĐTXD&PTĐT huyện An Lão	Sử dụng làm công trình sự nghiệp
4.2	Trạm Y tế xã An Nghĩa (mới) (An Nghĩa, An Lão)	1.925,0	854,2	854,2	Không có	sử dụng làm công trình sự nghiệp
4.3	Trạm Y tế xã An Dũng (mới) (Thôn 2, An Dũng, An Lão)	1.594,6	380,0	380,0	Không có	Sử dụng làm công trình sự nghiệp
5	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh					
5.1	Trạm Y tế xã Vĩnh Hiệp (mới) (Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thạnh)	1.848,0	351,2	351,2	QĐ 1938/QĐ-UBND ngày 20/10/2011, BC 140/KQTD-BQL ngày 11/11/2011 báo cáo kết quả thẩm định TKBVTC- ĐTXD	Sử dụng làm công trình sự nghiệp
6	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn					
6.1	Khối Y tế Dự phòng (Khu dân cư ngã 3 quốc lộ 19, đường	5.992,0	540,0	940,0	GCN: CT05584 ngày 15/03/2017; QĐ số 361/QĐ-UBND ngày 13/02/2017	Sử dụng làm công trình sự nghiệp
V	Hội Làm Vườn Bình Định (452 Trần Hưng Đạo, Tp Quy Nhơn)	61,0	61,0	82,0	QĐ số 3800/QĐ-UBND ngày 11/11/1998	Trụ sở làm việc, Đoàn Luật gia sử dụng chung trụ sở
B	KHỐI HUYỆN					
I	Thành phố Quy Nhơn					
1	UBND phường Lê Lợi					
1.1	Nhà sinh hoạt kết hợp với nhà mẫu giáo khu phố 3 (96 Lý Tự Trọng, Tp Quy Nhơn)	130,9	130,9	262,0	GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT05760 do Sở TN và MT BD cấp ngày 11/5/2017	Khu sinh hoạt kết hợp với nhà mẫu giáo khu phố 3

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê
		Đất	Nhà			
1	2	3	4a (DT xây dựng)	4b (DT sàn xây dựng)	5	6
1.2	Nhà sinh hoạt kết hợp với nhà mẫu giáo khu phố 7 (13 Phan Bội Châu, Tp Quy Nhơn)	83,0	83,0	171,0	GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT05761 do Sở TN và MT BD cấp ngày 11/5/2017	Khu sinh hoạt kết hợp với nhà mẫu giáo
2	UBND phường Lê Hồng Phong					
2.1	Trụ sở khu vực 3 (297 Lê Hồng Phong, Tp Quy Nhơn)	82,8	82,8	135,6	GCNQSDĐ số CT02485	Khu sinh hoạt nhân dân
2.2	Trụ sở khu vực 6 (Tổ 42, KV5, Tp Quy Nhơn)	182,4	182,4	182,4	GCNQSDĐ số CT02484	Khu sinh hoạt nhân dân
2.3	Trụ sở khu vực 8 (132 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn)	75,2	75,2	120,3	GCNQSDĐ số CT02487	Khu sinh hoạt nhân dân
3	UBND phường Thị Nại					
3.1	Khu SHND và kết hợp lớp mẫu giáo khu phố 1 - 582/11 Trần Hưng Đạo	87,9	69,1	69,1	Thành phố giao tạm quản lý sử dụng	Khu sinh hoạt nhân dân
3.2	Khu SHND và kết hợp lớp mẫu giáo khu phố 2 - 148 Đống Đa	111,5	92,8	92,8	GCNQSDĐ	Khu sinh hoạt nhân dân
3.3	Khu SHND và kết hợp lớp mẫu giáo khu phố 4 - 562 Đống Đa	89,7	80,0	160,0	GCNQSDĐ	Khu sinh hoạt nhân dân
4	UBND phường Lý Thường Kiệt					
4.1	Trạm y tế Phường, 61 Trần Phú	144,0		244,0	Có giấy CNQSDĐ	Cơ sở y tế
5	UBND phường Trần Hưng Đạo					
5.1	Mẫu giáo kết hợp trụ sở khu phố 1 - 560 Trần Hưng Đạo	468,5	270,9	270,9	GCNQSD đất, QSH nhà ở và TSK gắn liền với đất số CT02965 ngày 16/6/2014 của Sở TN-MT	Hoạt động cơ sở giáo dục
5.2	Trụ sở khu phố 4 (cũ) - 197 đường Trần Cao Vân	23,7	23,7	23,7	GCNQSD đất, QSH nhà ở và TSK gắn liền với đất số CT02964 ngày 16/6/2014 của Sở TN-MT	Hội người cao tuổi sinh hoạt kết hợp Ban bảo vệ dân phố
5.3	Nhà mẫu giáo Trần Hưng Đạo - 188 Phan Bội Châu (Cơ sở 1)	230,7	230,7	461,4	Chưa cấp GCN	Hoạt động cơ sở giáo dục
6	UBND phường Ghềnh Ráng					
6.1	Mẫu giáo kết hợp khu SHND Tổ 3 - khu vực 1 (Cơ sở 2)	192,6	61,2	61,2	GCNQSD đất	Giáo dục và sinh hoạt cộng đồng
6.2	Mẫu giáo kết hợp khu SHND Tổ 8 - khu vực 2	375,0	70,4	70,4	GCNQSD đất	Giáo dục và sinh hoạt cộng đồng

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê
		Đất	Nhà			
1	2	3	4a (DT xây dựng)	4b (DT sàn xây dựng)	5	6
6.3	Mẫu giáo kết hợp khu SHND KV3 (Cơ sở 2) - 25 Đặng Thuỳ Trâm	77,4	77,4	77,4	GCNQSD đất CT 00037 do Sở TNMT cấp ngày 17/01/2010	Giáo dục và sinh hoạt cộng đồng
6.4	Trụ sở khu vực 4 - 35 Hàn Mặc Tử	77,1	77,1	77,1	GCNQSD đất	Giáo dục và sinh hoạt cộng đồng
6.5	Trụ sở khu vực 5 - Hẻm Chàng Lúa (nay là địa chỉ 01 Tôn Thất Thiệp)	85,0	85,0	85,0	GCNQSD đất	Khu sinh hoạt nhân dân
7	UBND phường Trần Phú					
7.1	Trụ sở khu phố 1, địa chỉ số 130 đường Xuân Diệu	40,0	40,0	80,0	Không có	Khu sinh hoạt nhân dân
7.2	Trụ sở khu phố 2, địa chỉ số 262 đường Xuân Diệu	59,0	59,0	118,0	Không có	Khu sinh hoạt nhân dân
7.3	Khu vực 2 - 117 đường Nguyễn Huệ	52,1	52,1	104,1	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
7.4	Trụ sở khu phố 3 - Hẻm 219 đường Nguyễn Huệ	60,3	60,3	60,3	Không có	Khu sinh hoạt nhân dân
7.5	Khu vực 3 - đườngXuân Diệu	39,7	39,7	79,3	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
7.6	Trụ sở khu vực 4 - 39 Nguyễn Lạc	114,0	70,0	140,0	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục và khu sinh hoạt nhân dân
7.7	Trụ sở khu vực 5 - 110/25 Nguyễn Huệ	58,9	58,9	117,7	Không có	Khu sinh hoạt nhân dân
7.8	Khu vực 6 - 31/2 Nguyễn Trãi	57,5	57,5	115,0	Không có	Khu sinh hoạt nhân dân
8	UBND phường Đồng Đa					
8.1	Lớp mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân khu vực 3 - số 16 đường Tháp Đôi	100,0	80,0	80,0	Chưa cấp GCN	Lớp mẫu giáo kết hợp khu SHND
8.2	Lớp mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân khu vực 4 - hẻm 1083 Trần Hưng Đạo	250,0	100,0	180,0	Chưa cấp GCN	Lớp mẫu giáo kết hợp khu SHND
8.3	Lớp mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân KV8 - 32 Đường Tôn Thất Dạm	80,0	80,0	80,0	Cấp GCN	Lớp MG kết hợp khu SHND
8.4	Lớp mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân KV9 - 15 Đường Bùi Đức Sơn	94,0	94,0	94,0	Chưa cấp GCN	Lớp mẫu giáo kết hợp khu SHND

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê
		Đất	Nhà			
1	2	3	4a (DT xây dựng)	4b (DT sàn xây dựng)	5	6
8.5	Lớp mẫu giáo kết hợp khu sinh hoạt nhân dân KV9a - Khu TĐC phục vụ dự án Khu DT TM Bắc Sông Hà Thanh	384,7	176,8	358,0	Chưa cấp GCN	Lớp mẫu giáo kết hợp khu SHND
9	Trường Mầm non Hoa Hồng					
9.1	188 Phan Bội Châu, Tp Quy Nhơn	223,4	225,0	225,0	Trích lục thửa đất số 193 ngày 16/9/2008	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
9.2	562 Trần Hưng Đạo, Tp Quy Nhơn	468,5	257,0	257,0	GCN quyền sử dụng đất số: CT02965 ngày 16/6/2014	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
10	Trường Mẫu giáo Phước Mỹ					
10.1	Lớp xóm 3, Long Thành	500,0	57,5	57,5	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
10.2	Nhà lớp học Hàn Quốc- Khu tái định cư Long Mỹ	253,0	253,0	253,0	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
11	Trường Mẫu giáo Trần Quang Diệu					
11.1	Nhà mẫu giáo Tổ 7, khu vực 4	593,1	218,0	218,0	GCNQSD Số 443005	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
12	Trường Mẫu giáo Đồng Đa					
12.1	Mẫu giáo KV2, địa chỉ 946/2 Trần Hưng Đạo (nay là địa chỉ số 944/2 Trần Hưng Đạo)	369,2	105,6	105,6	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
12.2	Mẫu giáo KV4 (826 Trần Hưng Đạo)	73,9	73,9	100,7	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
12.3	Mẫu giáo KV7 (12/14 Phùng Khắc Khoan)	64,8	49,7	49,7	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
13	Trường Mẫu giáo Thị Nại					
13.1	225 Đồng Đa	87,0	87,0	174,0	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
13.2	148 Đồng Đa	115,5	115,5	115,5	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê
		Đất	Nhà			
1	2	3	4a (DT xây dựng)	4b (DT sàn xây dựng)	5	6
13.3	562 Bạch Đằng	89,7	89,7	179,4	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
13.4	582/13 Trần Hưng Đạo	88,9	88,9	88,9	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
14	Trường Mẫu giáo Ghềnh Ráng					
14.1	Khu vực 5 - 14-15 Chàng Lúa (nay là địa chỉ 34 Tôn Thất Thiệp)	150,0	78,0	78,0	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
15	Trường Mẫu giáo Quang Trung					
15.1	Trụ sở khu SHND khu vực 2 (69/10 Tô Hiến Thành)	75,1	75,1	150,2	GCN quyền sử dụng đất số: GCN: CT00245 ngày 13/02/2010.	Lớp mẫu giáo kết hợp khu SHND
15.2	Trụ sở khu sinh hoạt nhân dân khu vực 3 (28 Thanh Niên)	135,3	135,3	249,9	GCN quyền sử dụng đất số: GCN: T00754 ngày 21/03/2007.	Lớp mẫu giáo kết hợp khu SHND
15.3	Trụ sở khu sinh hoạt nhân dân khu vực 5 (303/21 Tây Sơn)	1.370,1	143,5	143,5	GCN quyền sử dụng đất số: T00245 ngày 17/12/2001	Lớp mẫu giáo kết hợp khu SHND
15.4	Trụ sở khu sinh hoạt nhân dân khu vực 7 (02 Nguyễn Trường Tộ)	305,0	120,0		GCN quyền sử dụng đất số: T00137 ngày 04/ 04/2005.	Lớp mẫu giáo kết hợp khu SHND
15.5	Trụ sở khu sinh hoạt nhân dân khu vực 8 (195 Thành Thái)	300,5	221,0	221,0	GCN quyền sử dụng đất số: T00138 ngày 04/04/2005.	Lớp mẫu giáo kết hợp khu SHND
16	Trường Mẫu giáo Ngô Mây (54 Võ Lai)	48,0	88,2	92,0	GCN quyền sử dụng đất số: CT03377	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
17	Trường Tiểu học Quang Trung					
17.1	136A Thành Thái, khu vực 7 - Phường Quang Trung	2.331,0	777,0	1.554,0	Không có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục
II	Huyện Tuy Phước					
1	UBND xã Phước Sơn					
1.1	Nhà văn hóa xã Phước Sơn	2.452,8	496,0	707,0	GCN QSD số BG630764	Nhà văn hóa thôn

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê
		Đất	Nhà			
1	2	3	4a (DT xây dựng)	4b (DT sàn xây dựng)	5	6
III	Huyện An Lão					
1	Trường Mẫu giáo An Dũng					
1.1	Điểm trường Thôn 2, An Dũng, An Lão, Bình Định	1.509,0	632,0	632,0	Chưa có GCNQSDĐ	Trụ sở sự nghiệp giáo dục
1.2	Điểm trường Thôn 4, An Dũng, An Lão, Bình Định	1.336,7	81,7	81,7	Chưa có GCNQSDĐ	Trụ sở sự nghiệp giáo dục
2	Trường Tiểu Học An Dũng					
1.1	Điểm trường Thôn 02, An Dũng, An Lão, Bình Định	3.844,0	1.109,0	1.109,0	Chưa có GCNQSDĐ	Trụ sở sự nghiệp giáo dục
3	UBND xã An Dũng					
3.1	Trụ sở UBND xã An Dũng. (thôn 2, xã An Dũng, huyện An Lão)	3.996,0	354,0	708,0	Chưa có chứng nhận QSD đất	Trụ sở làm việc
3.2	Nhà văn hóa xã (thôn 2, xã An Dũng)	3.573,0	480,0	480,0	Chưa có chứng nhận QSD đất	Trụ sở làm việc
3.3	Nhà làm việc Công an + Xã đội (thôn 2, xã An Dũng)	1.172,5	145,0	145,0	Chưa có chứng nhận QSD đất	Trụ sở làm việc
3.4	Nhà truyền thanh xã (thôn 2, xã An Dũng)	1.172,5	38,0	38,0	Chưa có chứng nhận QSD đất	Trụ sở làm việc
3.5	Nhà văn hóa thôn 1 (Thôn 1, xã An Dũng)	1.973,7	110,6	110,6	Chưa có chứng nhận QSD đất	Nhà văn hóa thôn
3.6	Nhà văn hóa thôn 2 (Thôn 2, xã An Dũng)	912,0	110,6	110,6	Chưa có chứng nhận QSD đất	Nhà văn hóa thôn
3.7	Nhà văn hóa thôn 3 (Thôn 3, xã An Dũng)	1.543,1	110,6	110,6	Chưa có chứng nhận QSD đất	Nhà văn hóa thôn
3.8	Nhà văn hóa thôn 4 (Thôn 4, xã An Dũng)	1.731,3	110,6	110,6	Chưa có chứng nhận QSD đất	Nhà văn hóa thôn
IV	Huyện Tây Sơn					
V	Thị xã Hoài Nhơn					
1	Trường Tiểu học số 1 Tam Quan Bắc (Điểm trường Khu phố Trường Xuân Tây-Phường Tam Quan Bắc)	3.335,9	450,0	816,0	Chưa có giấy chứng nhận QSDĐ	Đất giáo dục
2	Trường Mầm non Hoài Thanh (Điểm trường Khu phố Trường An 2- Phường Hoài Thanh)	3.337,7	726,5	1.327,5	Chưa có giấy chứng nhận QSDĐ	Đất giáo dục
VI	Huyện Phù Cát					

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê
		Đất	Nhà			
1	2	3	4a (DT xây dựng)	4b (DT sàn xây dựng)	5	6
1	Huyện Đoàn Phù Cát (Số 01 đường Nguyễn Chí Thanh, thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát)	311,7	132,3	264,6	Chưa có sổ đỏ (Quyết định số 4114/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh về giao trụ sở làm việc)	Trụ sở làm việc
2	UBND xã Cát Minh					
2.1	Nhà văn hóa thôn Trung An, xã Cát Minh	918,1	125,3	125,3	Giấy CNQSDĐ số CT02160 ngày 21/11/2013	Nhà văn hóa thôn
3	UBND xã Cát Sơn					
3.1	Nhà Văn Hóa Thôn Thạch Bàn Tây	1.245,0	166,5	166,5	Chưa có GCNQSDĐ	Nhà văn hóa thôn
3.2	Nhà Văn Hóa Thôn Thạch Bàn Đông	1.781,0	128,8	128,8	Chưa có GCNQSDĐ	Nhà văn hóa thôn
4	UBND xã Cát Khánh					
4.1	Trụ sở sinh hoạt Tổ tự quản về PCCC và Tổ tự quản an toàn trật tự chi hội Cựu chiến binh thôn An Quang Đông	219,0	86,7	112,7	Chưa có GCNQSDĐ	Nhà sinh hoạt và làm việc của Tổ tự quản ở thôn
VII	Huyện Vân Canh					
1	Trường Mẫu giáo Canh Vinh					
1.1	Điểm trường thôn An Long 2	4.800,0	630,0	1.224,0	Chưa có	Hoạt động sự nghiệp giáo dục mầm non
2	Trường Mẫu giáo Canh Hiệp					
2.1.	Điểm chính Làng Suối Đá	5.983,0	798,4	1.287,8	GCN QSDĐ - CT829354 ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh	Hoạt động sự nghiệp giáo dục mầm non
	Tổng cộng: 87 cơ sở nhà, đất	106.978,3	21.450,6	33.096,6		